

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp với tên giao dịch quốc tế là Construction and Industrial Production Joint Stock Company, viết tắt CIPC và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101058736 đăng ký lần đầu ngày 31/03/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 08 ngày 04/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở công ty : Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
	Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên
	Ông Phạm Hùng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Cao Minh Tâm	Giám đốc
	Ông Dương Quang Hưng	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Cao Minh Tâm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Số: 350/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017
của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2017. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ý kiến về tính đúng đắn của các số dư công nợ này cũng như cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature of Bùi Thị Thúy.

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Bùi Thị Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		476.734.757.255	373.280.654.102
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.691.296.025	32.596.208.283
1. Tiền	111		28.091.296.025	12.246.208.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.600.000.000	20.350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.776.551.934	199.428.580.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	99.989.910.315	81.789.333.788
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	88.387.950.557	34.524.482.844
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	121.639.852.145	103.712.335.183
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(21.241.161.083)	(20.597.570.938)
IV. Hàng tồn kho	140		156.266.909.296	141.132.474.273
1. Hàng tồn kho	141	5.6	156.266.909.296	141.132.474.273
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	123.390.669
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	97.525.786
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	25.864.883
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		60.202.383.351	50.099.025.021
II. Tài sản cố định	220		16.841.534.984	15.871.277.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	16.010.494.205	15.091.443.537
- Nguyên giá	222		36.742.701.078	34.213.063.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.732.206.873)	(19.121.619.575)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	831.040.779	779.833.515
- Nguyên giá	228		889.636.601	814.636.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.595.822)	(34.803.086)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	18.769.521.799	12.564.172.608
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.769.521.799	12.564.172.608
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	13.190.211.000	15.880.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.200.000.000	12.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.180.000.000	3.680.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.189.789.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.401.115.568	5.783.575.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	11.401.115.568	5.783.575.361
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		536.937.140.606	423.379.679.123

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		484.017.206.733	370.684.315.826
I. Nợ ngắn hạn	310		480.513.574.208	367.334.140.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	236.422.048.159	143.579.868.899
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	100.334.799.166	103.891.768.357
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	17.553.964.454	15.530.491.298
4. Phải trả người lao động	314		2.476.398.277	1.433.679.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	18.038.446.994	4.229.536.733
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	-	81.818.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	71.120.134.835	67.721.862.875
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	34.323.181.401	30.749.941.785
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		244.600.922	115.173.295
II. Nợ dài hạn	330		3.503.632.525	3.350.174.861
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	50.000.000	50.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	3.453.632.525	3.300.174.861
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		52.919.933.873	52.695.363.297
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	52.919.933.873	52.695.363.297
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.450.000.000	45.450.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.498.950.000	4.498.950.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.970.983.873	2.746.413.297
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(191.064.329)	345.064.817
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.162.048.202	2.401.348.480
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		536.937.140.606	423.379.679.123

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Tuấn Anh

Đỗ Văn Hùng

Cao Minh Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	502.256.598.010	243.958.047.188
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		502.256.598.010	243.958.047.188
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	484.816.533.098	231.132.451.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.440.064.912	12.825.595.257
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	932.241.010	465.955.707
7. Chi phí tài chính	22	5.23	4.192.915.830	3.460.475.607
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.003.126.830	3.460.475.607
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	10.016.372.639	5.286.217.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.163.017.453	4.544.858.183
11. Thu nhập khác	31		3.329.822.536	1.420.079.593
12. Chi phí khác	32		2.925.247.812	2.382.186.252
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	404.574.724	(962.106.659)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.567.592.177	3.582.751.524
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	1.405.543.975	1.181.403.044
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.162.048.202	2.401.348.480
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	5.27	696	528

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Tuấn Anh

Đỗ Văn Hùng

Cao Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS TM		Năm 2017	Năm 2016
	2	3	VND	VND
1			4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.567.592.177	3.582.751.524
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.038.799.346	1.231.737.242
- Các khoản dự phòng	03		(643.590.145)	(4.281.554.888)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(580.241.010)	(465.955.707)
- Chi phí lãi vay	06		3.003.126.830	3.460.475.607
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.385.687.198	3.527.453.778
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(89.965.696.319)	(10.272.242.294)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.134.435.023)	63.651.487.536
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		105.920.492.094	(23.086.272.108)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.520.014.421)	(2.678.795.256)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.003.126.830)	(3.460.475.607)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(915.119.281)	(1.616.084.119)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(26.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(232.212.582)	26.038.221.930
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.604.637.966)	(6.611.982.939)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	80.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		932.241.010	571.955.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.672.396.956)	(5.960.027.232)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		66.664.293.543	54.637.634.640
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(62.937.596.263)	(64.032.208.067)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.727.000.000)	(33.777.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		999.697.280	(9.428.351.267)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(904.912.258)	10.649.843.431
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.596.208.283	21.946.364.852
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	31.691.296.025	32.596.208.283

Người lập



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hùng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Cao Minh Tâm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp với tên giao dịch quốc tế là Construction and Industrial Production Joint Stock Company, viết tắt CIPC và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101058736 đăng ký lần đầu ngày 31/03/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 08 ngày 04/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101058736 thay đổi lần 08 ngày 04/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là: **45.450.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam).

Địa chỉ đăng ký: Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 78 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;
- Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và công việc thử nước, chống thấm các tòa nhà;
- Đại lý môi giới đầu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất khác chưa được phân vào đâu./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 là: xây lắp và sản xuất công nghiệp.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Bao gồm Văn phòng công ty CP Xây lắp và sản xuất Công nghiệp và các đơn vị phụ thuộc của công ty:

Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp – Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới - Địa chỉ: Số 150/72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp – Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình - Địa chỉ: Số 1 Đại Đồng, Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Danh sách Công ty liên kết của Công ty

Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon - Địa chỉ: Thôn Thấp Phan, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, Hải Dương
- Tỷ lệ phần sở hữu: 20%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 20%
Công ty CP Bao bì Sông Công - Địa chỉ: Tổ dân phố 4A, phường Phố Cò, TP. Sông Công, Thái Nguyên
- Tỷ lệ phần sở hữu: 38%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 38%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Báo cáo tài chính tổng hợp được tổng hợp từ Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp, Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp – Xí nghiệp Xây lắp và Thi công Cơ giới và Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp – Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát Công trình.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp đã loại trừ các giao dịch mua, bán, phải thu và phải trả nội bộ giữa Văn phòng Công ty và các Chi nhánh theo quy định.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác***

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên BCKQ hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập bình quân tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, thời gian khấu hao là 50 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí của các công trình như Dự án Xuân Phương, xây dựng Nhà điều hành Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới và dự án khu nhà làm việc Xí nghiệp Xây lắp 7 được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, các công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất mía đường, mật rỉ, kinh doanh xăng dầu, nông sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	886.679.100	470.146.101
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.204.616.925	11.776.062.182
Các khoản tương đương tiền [*]	3.600.000.000	20.350.000.000
Tổng	31.691.296.025	32.596.208.283

[*] Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng, lãi suất 5%/ năm.

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	99.989.910.315	81.789.333.788
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	5.613.650.276	9.512.074.601
Cục thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh	7.290.658.381	7.290.658.381
Công ty CP PT Nam Sơn	2.122.000.000	-
Trường Cao đẳng Bách nghệ Tây Hà	1.582.349.225	1.582.349.225
BQLDA Khu vực phía nam - Ngân hàng BIDV	1.965.194.734	1.485.020.058
Bưu điện tỉnh Hà Giang	1.721.014.001	1.721.014.001
Trường đại học Công nghiệp Việt Hưng	-	1.746.797.800
XL 7 - Đường ống nước số 2 Sơn động 3	4.800.276.765	4.800.276.765
Công ty CP đầu tư bất động sản Đông Anh	7.358.168.584	-
XN Cơ Giới - CT Xưởng Cơ khí Chính	3.333.322.391	-
Các đối tượng khác	64.203.275.958	53.651.142.957
<u>Trong đó phải thu các bên liên quan</u>	13.670.403.355	13.670.403.355
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	6.693.785.916	6.693.785.916
Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn	6.493.662.439	6.493.662.439
Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	482.955.000	482.955.000
Tổng	99.989.910.315	81.789.333.788

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	88.387.950.557	34.524.482.844
Công ty CP Đầu tư Thương mại Quốc tế Hồng Hà	7.127.089.903	11.450.000.000
Công ty CP Thép An Bình	-	2.696.869.828
Công ty TNHH Xây dựng 902 Việt Nam	56.752.934.444	7.300.122.100
Công ty CP Xây lắp Điện nước & Thương mại SD	1.252.787.325	2.128.433.700
CT Mạnh Đức - CT: xưởng K71.98 HĐ:1107/2017- Bắc Ninh	1.030.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	22.225.138.885	10.949.057.216
<u>Trong đó trả trước là các bên liên quan</u>	<u>4.760.642.027</u>	<u>1.660.642.027</u>
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	4.760.642.027	1.660.642.027
Tổng	<u>88.387.950.557</u>	<u>34.524.482.844</u>

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	121.639.852.145	16.066.509.906	103.712.335.183	16.066.509.906
Ông Hưng Đội 8	15.487.656.174	-	15.321.154.214	-
- Công trình BIDV Bạc Liêu				
Ông Tình - Công trình Khu đất 1,65 ha Cổ Nhuế	3.553.294.745	-	3.300.020.729	-
Tân - Công trình gia cố Sông Nhuệ	4.067.968.278	-	4.607.968.278	-
Thiện - Công trình Viettel Cà Mau	4.066.066.629	-	5.707.072.059	-
Huệ - CT Trụ sở Ngân hàng Viettinbank Bến Tre	193.874.339	-	3.744.043.049	-
Công ty 27/7 Ninh Bình	3.628.925.510	-	3.628.925.510	-
Trần Văn Phúc - lãi vay	2.375.562.223	1.765.309.777	2.440.055.533	1.765.309.777
Công ty Hiền Long Việt Nam	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
T.M.Tú Vay lương trường CDN Hàn Quốc	2.474.393.050	-	2.474.393.050	-
Thụ Đ7 - CT Đường nam Sóc Sơn	2.325.598.182	-	2.325.598.182	-
Phải thu khác	38.757.785.899	4.940.561.926	24.287.013.979	4.940.561.926
Tạm ứng	43.628.727.116	9.360.638.203	34.796.090.600	9.360.638.203
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	<u>121.639.852.145</u>	<u>16.066.509.906</u>	<u>103.712.335.183</u>	<u>16.066.509.906</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	21.241.161.083	-	20.597.570.938	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Dương Đức Hạnh				2.363.015.009
Hà Anh Tuấn				1.489.452.118
Đào Mạnh Hùng				3.557.177.865
Công ty Chế tạo máy				5.436.575.194
Nguyễn Văn Hàm				959.311.714
Trần Văn Phúc				1.700.816.467
Phí Hoàng Minh				143.046.276
Công ty Mai Động (Ông Mịch)				198.532.969
Đội ông Hùng - XL 1				250.000.000
Đối tượng khác				5.143.233.471
Tổng				21.241.161.083

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.383.836.563	-	1.331.498.312	-
Công cụ, dụng cụ	30.811.814	-	11.129.136	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154.852.260.919	-	139.789.846.825	-
Tổng	156.266.909.296	-	141.132.474.273	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	-	97.525.786
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	97.525.786
Dài hạn	11.401.115.568	5.783.575.361
Chi phí CCDC chờ phân bổ	9.686.768.786	1.586.090.062
Chi phí CCDC chờ phân bổ cho Công trình Sở giáo dục thường xuyên	1.714.346.782	4.197.485.299
Tổng	11.401.115.568	5.881.101.147

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	11.867.660.791	14.863.526.505	7.225.191.272	256.684.544	34.213.063.112
Tăng trong năm	259.065.238	2.080.572.728	871.127.272	-	3.210.765.238
Mua trong năm	259.065.238	2.080.572.728	871.127.272	-	3.210.765.238
Giảm trong năm	-	-	681.127.272	-	681.127.272
Giảm khác	-	-	681.127.272	-	681.127.272
Số dư tại 31/12/2017	<u>12.126.726.029</u>	<u>16.944.099.233</u>	<u>7.415.191.272</u>	<u>256.684.544</u>	<u>36.742.701.078</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	2.168.747.248	9.846.070.876	6.905.912.860	200.888.591	19.121.619.575
Tăng trong năm	460.064.528	1.036.451.028	502.854.682	15.636.372	2.015.006.610
Khấu hao trong năm	460.064.528	1.036.451.028	502.854.682	15.636.372	2.015.006.610
Giảm trong năm	-	-	404.419.312	-	404.419.312
Giảm khác	-	-	404.419.312	-	404.419.312
Số dư tại 31/12/2017	<u>2.628.811.776</u>	<u>10.882.521.904</u>	<u>7.004.348.230</u>	<u>216.524.963</u>	<u>20.732.206.873</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	<u>9.698.913.543</u>	<u>5.017.455.629</u>	<u>319.278.412</u>	<u>55.795.953</u>	<u>15.091.443.537</u>
Tại 31/12/2017	<u>9.497.914.253</u>	<u>6.061.577.329</u>	<u>410.843.042</u>	<u>40.159.581</u>	<u>16.010.494.205</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2017 với giá trị là 9.945.259.005 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là: 12.915.750.520 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền		Tổng
	sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2017	814.636.601	-	814.636.601
Tăng trong kỳ	-	75.000.000	75.000.000
Mua trong năm	-	75.000.000	75.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>814.636.601</u>	<u>75.000.000</u>	<u>889.636.601</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2017	34.803.086	-	34.803.086
Tăng trong kỳ	16.292.736	7.500.000	23.792.736
Khấu hao trong kỳ	16.292.736	7.500.000	23.792.736
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>51.095.822</u>	<u>7.500.000</u>	<u>58.595.822</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	<u>779.833.515</u>	-	<u>779.833.515</u>
Tại 31/12/2017	<u>763.540.779</u>	<u>67.500.000</u>	<u>831.040.779</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.769.521.799	18.769.521.799	12.564.172.608	12.564.172.608
Đầu tư dự án Xuân Phương	252.950.947	252.950.947	252.950.947	252.950.947
Xây dựng Nhà điều hành Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới	17.969.852.670	17.969.852.670	12.264.503.479	12.264.503.479
Khu nhà làm việc Xí nghiệp xây lắp 7	46.718.182	46.718.182	46.718.182	46.718.182
Tổng	<u>18.769.521.799</u>	<u>18.769.521.799</u>	<u>12.564.172.608</u>	<u>12.564.172.608</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào Công ty liên kết	12.200.000.000	11.010.211.000	1.189.789.000	12.200.000.000	12.200.000.000	-
Công ty CP Bao Bì Sông Công (*)	4.200.000.000	4.200.000.000	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon (**)	8.000.000.000	6.810.211.000	1.189.789.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	2.180.000.000	2.180.000.000	-	3.680.000.000	3.680.000.000	-
Công ty CP Xây lắp Sản xuất Công nghiệp Phát Linh	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	2.180.000.000	2.180.000.000	-	2.180.000.000	2.180.000.000	-
Tổng	14.380.000.000	13.190.211.000	1.189.789.000	15.880.000.000	15.880.000.000	-

(*): Công ty CP Bao bì Sông Công là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600422297 ngày 07/03/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 11.057.500.000 đồng.

(**): Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800727161 cấp ngày 8/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty là : 40.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	236.422.048.159	236.422.048.159	143.579.868.899	143.579.868.899
CT TNHH Tâm Phúc	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611
Trụ sở BIDV Bạc Liêu - Hưng	13.623.458.684	13.623.458.684	13.623.458.684	13.623.458.684
Xây lắp2 - Cục thi hành án DS TP HCM 36	7.307.324.530	7.307.324.530	7.307.324.530	7.307.324.530
GT19.2 dg mỏ đá vôi Xi măng - Tân Việ	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978
Công ty CP ĐTXD Phát triển Việt Tiệp	19.419.451.668	19.419.451.668	4.041.282.500	4.041.282.500
Công ty TNHH Thống nhất Bắc Việt	16.738.461.989	16.738.461.989	-	-
Công ty TNHH Việt Đức	6.141.199.762	6.141.199.762	-	-
Công ty CP xây lắp và SX CN Thanh Bình	8.337.782.900	8.337.782.900	-	-
Chi phí VTP, CP - 82 Nguyễn Tuân	5.607.050.520	5.607.050.520	2.765.589.617	2.765.589.617
Toà nhà Viettel Cà Mau - Thiện	3.304.968.154	3.304.968.154	4.945.973.584	4.945.973.584
Phải trả các đối tượng khác	142.897.101.363	142.897.101.363	97.850.991.395	97.850.991.395
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan</i>	-	-	-	-
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Tổng	236.422.048.159	236.422.048.159	143.579.868.899	143.579.868.899

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	100.334.799.166	103.891.768.357
XD Trụ sở BIDV Phú Mỹ- cơ giới	-	8.024.928.838
Công trình XD Trường THCS Phan Chu Trinh	-	37.124.000.000
CT XD nhà ký túc xá Đại học Công nghiệp Hà Nội 131	6.009.142.911	12.052.638.026
Công ty TNHH Thống nhất Bắc Việt	35.889.849.075	17.037.723.002
Nguyễn.Tân-Gia cổ bờ sông nhuệ TT	2.984.578.000	2.984.578.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Việt	-	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Quận Ba Đình	24.800.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	30.651.229.180	26.667.900.491
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan</i>	3.709.145.991	3.709.145.991
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp Việt Nam	1.433.129.345	1.433.129.345
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	2.276.016.646	2.276.016.646
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Tổng	100.334.799.166	103.891.768.357

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	9.436.546.638	7.052.559.311	3.212.124.408	-	13.276.981.541
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.016.515.369	1.405.543.975	915.119.282	-	1.405.543.975
Thuế thu nhập cá nhân	-	98.716.646	59.713.161	65.247.210	-	93.182.597
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.978.712.645	862.978.382	1.063.434.686	-	2.778.256.341
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Tổng	-	15.530.491.298	9.385.794.829	5.260.925.586	-	17.553.964.454

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	34.323.181.401	34.323.181.401	65.564.293.543	61.991.053.927	30.749.941.785	30.749.941.785
SGD Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (1)	29.615.459.870	29.615.459.870	60.475.293.543	58.762.053.927	27.902.220.254	27.902.220.254
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Tây Hà Nội (2)	198.392.394	198.392.394	-	-	198.392.394	198.392.394
Vay cá nhân	4.509.329.137	4.509.329.137	5.089.000.000	3.229.000.000	2.649.329.137	2.649.329.137
b) Vay dài hạn	3.453.632.525	3.453.632.525	1.100.000.000	946.542.336	3.300.174.861	3.300.174.861
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Hai Bà Trưng (3)	3.197.222.225	3.197.222.225	1.100.000.000	902.777.775	3.000.000.000	3.000.000.000
Vay cá nhân	256.410.300	256.410.300	-	43.764.561	300.174.861	300.174.861
Tổng	37.776.813.926	37.776.813.926	66.664.293.543	62.937.596.263	34.050.116.646	34.050.116.646

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Bảo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/HĐTD ngày 14/07/2017 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng với hạn mức: 70.000.000.000 VND. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2): Khoản vay theo hợp đồng vay số 1480 – LAY – 201100473/HĐTD ngày 30/05/2011. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng, vốn xin bảo lãnh 10.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ hoặc theo thông báo của ngân hàng.

(3): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 13/11/2014. Mục đích sử dụng vay để đầu tư mới sản văn phòng làm việc tại Khu B tầng 4 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng mua bán nhà văn phòng số 233/HĐMB/SD_HĐ.

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	18.038.446.994	4.229.536.733
Trích trước chi phí công trình	18.038.446.994	4.229.536.733
Tổng	18.038.446.994	4.229.536.733

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	81.818.182
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, văn phòng	-	81.818.182
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	-	-
Tổng	-	81.818.182

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	71.120.134.835	67.721.862.875
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	-	-
- Kinh phí công đoàn;	45.510.078	49.479.108
- Bảo hiểm xã hội;	810.733.410	742.155.848
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	2.736.775.442	1.318.764.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	67.527.115.905	65.611.463.619
<i>Công ty TNHH MTV và Dịch vụ Thanh Thủy</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>44.527.115.905</i>	<i>42.611.463.619</i>
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	50.000.000	50.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	50.000.000	50.000.000
Tổng	71.170.134.835	67.771.862.875

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	45.450.000.000	4.498.950.000	345.064.817	50.294.014.817
Tăng trong năm	-	-	2.401.348.480	2.401.348.480
Lãi trong năm	-	-	2.401.348.480	2.401.348.480
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	45.450.000.000	4.498.950.000	2.746.413.297	52.695.363.297
Số dư tại 01/01/2017	45.450.000.000	4.498.950.000	2.746.413.297	52.695.363.297
Tăng trong kỳ	-	-	3.162.048.202	3.162.048.202
Lợi nhuận sau thuế	-	-	3.162.048.202	3.162.048.202
Trích lập các quỹ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	2.937.477.626	2.937.477.626
Chia trả cổ tức	-	-	2.727.000.000	2.727.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	210.477.626	210.477.626
Số dư tại 31/12/2017	45.450.000.000	4.498.950.000	2.970.983.873	52.919.933.873

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	23.700.930.000	23.700.930.000
Các cổ đông khác	21.749.070.000	21.749.070.000
Tổng	45.450.000.000	45.450.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	45.450.000.000	45.450.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.937.477.626	-

d. Số lượng cổ phiếu phát hành trong kỳ

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.545.000	4.545.000
Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, vật tư	500.303.803.556	240.575.048.079
Doanh thu cho thuê mặt bằng, cầu thép	1.952.794.454	3.382.999.109
Tổng	502.256.598.010	243.958.047.188

5.21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa, vật tư	484.655.969.841	229.041.891.759
Giá vốn cho thuê mặt bằng, cầu thép	160.563.257	2.090.560.172
Tổng	484.816.533.098	231.132.451.931

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	580.241.010	571.955.707
Cổ tức được chia	352.000.000	(106.000.000)
Tổng	932.241.010	465.955.707

5.23 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	3.003.126.830	3.460.475.607
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	1.189.789.000	-
Tổng	4.192.915.830	3.460.475.607

5.24 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.644.490.390	4.532.951.830
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	424.593.121	299.633.389
Chi phí khấu hao	382.559.094	351.998.589
Thuế, phí, lệ phí	1.069.391.243	2.877.009.422
Chi phí dự phòng	885.869.295	(3.877.009.422)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.353.984.776	163.962.959
Chi phí khác bằng tiền	2.255.484.720	937.670.407
Tổng	10.016.372.639	5.286.217.174

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ chênh lệch đánh giá tài sản	-	1.375.462.415
Ghi nhận công nợ phải trả vào thu nhập khác	3.222.593.524	-
Thu nhập khác	107.229.012	44.617.178
Tổng	3.329.822.536	1.420.079.593
Chi phí khác		
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	2.812.127.696	-
Chi phí khác	113.120.116	2.382.186.252
Tổng	2.925.247.812	2.382.186.252
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	404.574.724	(962.106.659)

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.405.543.975	1.181.403.044
Tổng	1.405.543.975	1.181.403.044

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.162.048.202	2.401.348.480
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.162.048.202	2.401.348.480
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.545.000	4.545.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	696	528

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	293.363.924.531	82.503.026.811
Chi phí nhân công	84.489.667.948	29.678.748.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.038.799.346	1.231.737.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.382.056.543	11.077.617.258
Chi phí khác bằng tiền	4.901.894.592	7.418.047.446
Tổng	392.176.342.960	131.909.177.445

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2016 đã phát hành**

Sau khi phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 của Công ty ký ngày 26 tháng 03 năm 2017, theo Biên bản thanh tra Bộ Tài chính ngày 23 tháng 04 năm 2017, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2016 cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2017 VND	Số dư tại 31/12/2016 VND	Chênh lệch VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	81.789.333.788	81.526.053.787	263.280.001
Dự phòng phải thu khó đòi	(20.597.570.938)	(23.879.125.826)	3.281.554.888
Hàng tồn kho	139.789.846.825	147.001.935.313	(7.212.088.488)
Cộng thay đổi Tài sản			(3.667.253.599)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15.530.491.298	15.304.322.834	226.168.464
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.229.536.733	7.931.894.466	(3.702.357.733)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.746.413.297	2.937.477.627	(191.064.330)
Cộng thay đổi Nguồn vốn			(3.667.253.599)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2016 số liệu sau điều chỉnh VND	Năm 2016 số liệu theo Báo cáo kiểm toán VND	Chênh lệch VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.958.047.188	243.718.701.733	239.345.455
Giá vốn hàng bán	231.132.451.931	227.622.721.176	3.509.730.755
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.286.217.174	8.567.772.061	(3.281.554.887)
Lợi nhuận sau thuế	1.181.403.044	979.169.127	202.233.917

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc**

Bên liên quan	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	679.777.214	721.643.741
Tổng	679.777.214	721.643.741

Số dư với bên liên quan

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Người mua trả tiền trước			
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	1.433.129.345	1.433.129.345
Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ	2.276.016.646	2.276.016.646
Phải trả khác			
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	2.640.820.100	1.318.764.300
Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Bao bì Sông Công	Công ty liên kết	49.807.022	49.890.182
		31/12/2017	01/01/2017
Các khoản phải thu	Mối quan hệ	VND	VND
Phải thu khách hàng		13.670.403.355	13.670.403.355
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	6.693.785.916	6.693.785.916
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Cùng Công ty mẹ	482.955.000	482.955.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ	6.493.662.439	6.493.662.439
Trả trước cho người bán		4.760.642.027	1.660.642.027
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	4.760.642.027	1.660.642.027

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Tuấn Anh

Đỗ Văn Hùng

Cao Minh Tâm